

# **Hướng dẫn về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại Đại học Quốc gia Hà Nội**

Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội đã ban hành Quy định tạm thời về công tác người nước ngoài học tại Đại học Quốc gia Hà Nội (Quyết định số 25/CT-HSSV ngày 21 tháng 3 năm 2002). Văn bản này hướng dẫn việc xét tuyển để tiếp nhận người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào học tập tại các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Hướng dẫn được áp dụng cho các đối tượng đăng ký dự học, gọi chung là lưu học sinh (LHS) thuộc ba loại sau:- LHS đến dự học theo hiệp định được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài.- LHS đến dự học theo hiệp định được ký kết giữa ĐHQGHN (hoặc đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN) và cơ sở đào tạo hoặc tổ chức nước ngoài.- LHS đến dự học theo đường tự do (cá nhân tự đăng ký).

## **I. Điều kiện nhập học**

**1. Có đủ trình độ và năng lực học vấn, chuyên môn đáp ứng các yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo:**

1.1 Đối với bậc đào tạo đại học: LHS đã tốt nghiệp đạt kết quả tốt chương trình trung học phổ thông hoặc tương đương.

1.2 Đối với bậc đào tạo thạc sĩ: LHS đã tốt nghiệp đạt kết quả tốt bậc đại học ngành học phù hợp với chuyên ngành đào tạo thạc sĩ đăng ký dự học.

1.3 Đối với bậc đào tạo tiến sĩ:- LHS đã tốt nghiệp đạt kết quả tốt bậc thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đăng ký dự học.- LHS đã tốt nghiệp loại giỏi trở lên bậc đại học ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đăng ký dự học, có ít nhất 2 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo hoặc có công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố.

1.4. LHS đã hoặc đang là sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của một trường đại học nước ngoài hoặc Việt Nam, nếu đủ điều kiện nhập học, sẽ được xem xét bảo lưu các kết quả học tập phù hợp đã tích lũy ở trường cũ.

1.5. Đối với LHS đến ĐHQGHN học chuyển tiếp theo chương trình trao đổi được ký kết giữa ĐHQGHN với trường đại học nước ngoài, việc tiếp nhận và bố trí học tập thực hiện theo văn bản thoả thuận giữa hai bên. Việc đánh giá trình độ và năng lực học vấn, chuyên môn của LHS do đơn vị đào tạo thực hiện thông qua thẩm định hồ sơ và kiểm tra phỏng vấn trực tiếp (nếu cần).

**2. Có đủ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ (nếu theo học chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngoại ngữ tương ứng) đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo:**

2.1. LHS phải dự kiểm tra trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ (nếu theo học chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngoại ngữ tương ứng) trước khi được tiếp nhận vào học. Việc kiểm tra do Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài - trường ĐHKHXH&NV (đối với tiếng Việt) và trường Đại học Ngoại ngữ (đối với ngoại ngữ) tổ chức thực hiện. LHS chưa đủ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ có thể tham dự lớp học tiếng Việt, ngoại ngữ tại ĐHQGHN.

2.2. LHS thuộc một trong các diện sau đây được miễn kiểm tra tiếng Việt:- Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành tiếng Việt tại nước ngoài, tốt nghiệp lớp dự bị tiếng Việt tại khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài (trường ĐHKHXH&NV) hoặc tại cơ sở đào tạo chuyên ngành của Việt Nam được ĐHQGHN công nhận;- Đã tốt nghiệp chương trình đại học học bằng tiếng Việt Nam.

2.3. LHS thuộc một trong các diện sau đây được miễn kiểm tra ngoại ngữ:- Là công dân nước sử dụng ngoại ngữ cần dùng như ngôn ngữ chính thức;- Đã tốt nghiệp chương trình đại học học bằng ngoại ngữ cần dùng;- Có chứng chỉ ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành Việt Nam hoặc nước ngoài được ĐHQGHN công nhận cấp. - Đối với LHS nhập học chương trình đào tạo sử dụng tiếng Anh: có chứng chỉ về trình độ tiếng Anh TOEFL đạt 500 điểm hoặc IELTS đạt 5,5 điểm trở lên đối với LHS đăng ký học các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ, TOEFL đạt 550 điểm hoặc IELTS đạt 6 điểm trở lên đối với LHS đăng ký học các ngành khoa học xã hội nhân văn, kinh tế, luật.

**3.** Đủ sức khoẻ để học tập, nghiên cứu theo xác nhận của các tổ chức y tế có thẩm quyền.

**4.** Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu và sinh hoạt.

## **II. Hồ sơ LHS nộp cho đơn vị đào tạo**

### **2.1. Đối với LHS xin học bậc đại học**

1. Đơn xin nhập học (theo mẫu 1).
2. Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương có công chứng (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
3. Bản sao học bạ hoặc bằng điểm bậc trung học phổ thông hoặc tương đương có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
4. Giấy chứng nhận kết quả học tập đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài hoặc Việt Nam (nếu có).
5. Minh chứng về các trường hợp được miễn kiểm tra tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; chứng chỉ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành có thẩm quyền cấp (nếu có).

6. Giấy xác nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp.
7. Cam kết về khả năng tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu, sinh hoạt.
8. Bốn (4) ảnh cỡ 4x6 cm (ảnh chụp không quá 6 tháng trước khi gửi đơn xin nhập học).

## **2.2. Đối với LHS xin học bậc thạc sĩ**

1. Đơn xin nhập học (theo mẫu 2).
2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
3. Bảng điểm bậc đào tạo đại học có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
4. Giấy chứng nhận kết quả học tập bậc thạc sĩ đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài, hoặc Việt Nam (nếu có).
5. Minh chứng về các trường hợp được miễn kiểm tra tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; Chứng chỉ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành có thẩm quyền cấp (nếu có).
6. Bản đăng ký đề tài và chương trình học tập, nghiên cứu tại ĐHQGHN (viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
7. Thư giới thiệu của một nhà khoa học Việt Nam hoặc nước ngoài cùng chuyên ngành đăng ký nhập học.
8. Giấy xác nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp.
9. Cam kết về khả năng tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu, sinh hoạt.
10. Bốn (4) ảnh cỡ 4x6 cm (ảnh chụp không quá 6 tháng trước khi gửi đơn xin nhập học).

## **2.3. Đối với LHS xin học bậc đào tạo tiến sĩ**

1. Đơn xin nhập học (theo mẫu 2).
2. Bản sao bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc đại học có công chứng (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
3. Bảng điểm bậc đào tạo thạc sĩ hoặc đại học có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (kèm bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
4. Giấy chứng nhận kết quả học tập bậc thạc sĩ, tiến sĩ đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài hoặc Việt Nam (nếu có).
5. Giấy chứng nhận kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo (nếu có).
6. Danh mục và bản sao các bài báo khoa học đã công bố (nếu có).
7. Tóm tắt luận văn thạc sĩ (khoảng 1200 - 1500 từ, dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
8. Đề cương nghiên cứu tại ĐHQGHN (viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh).

9. Minh chứng về các trường hợp được miễn kiểm tra tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; Chứng chỉ trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành có thẩm quyền cấp (nếu có).
10. Hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học (một người Việt Nam, một người nước ngoài) cùng chuyên ngành đăng ký nhập học.
11. Giấy xác nhận sức khỏe do các cơ quan y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc Việt Nam cấp.
12. Cam kết về khả năng tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu, sinh hoạt.
13. Bốn (4) ảnh cỡ 4x6 cm (ảnh chụp không quá 6 tháng trước khi gửi đơn xin nhập học)

### **III. Quy trình xét tuyển, thẩm định**

#### **3.1. ở cấp cơ sở**

1. Đơn vị đào tạo thành lập Hội đồng xét tuyển để xem xét, đánh giá trình độ và năng lực học vấn chuyên môn; trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; sức khỏe và điều kiện tài chính của LHS thông qua thẩm định hồ sơ và kiểm tra, phỏng vấn (nếu cần). Đối với LHS đăng ký nhập học bậc đào tạo tiến sĩ, đơn vị đào tạo tổ chức đánh giá đề cương nghiên cứu và khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu của LHS tại đơn vị đào tạo.
2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo báo cáo bằng công văn gửi ĐHQGHN về trình độ và năng lực học vấn, chuyên môn; trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; sức khỏe của LHS (kèm theo các hồ sơ liên quan đến LHS) và khả năng của đơn vị đáp ứng việc đào tạo ngành (chuyên ngành) mà LHS lựa chọn. Công văn cần chỉ rõ loại hình đào tạo, nguồn và mức kinh phí đào tạo.
3. Hồ sơ đơn vị đào tạo gửi ĐHQGHN gồm:- Như các mục 2.1, 2.2 hoặc 2.3.- Quyết định của đơn vị đào tạo thành lập Hội đồng xét tuyển.- Biên bản và kết luận của Hội đồng xét tuyển.- Biên bản đánh giá đề cương nghiên cứu (đối với bậc đào tạo tiến sĩ)- Công văn báo cáo do thủ trưởng đơn vị đào tạo ký.

#### **3.2. Ở cấp ĐHQGHN**

1. Ban Đào tạo tiếp nhận hồ sơ xin nhập học bậc đào tạo đại học của LHS, phối hợp với Ban Quan hệ Quốc tế, Ban Chính trị và Công tác học sinh sinh viên tổ chức thẩm định và trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt.
2. Khoa Sau đại học tiếp nhận hồ sơ xin nhập học bậc đào tạo thạc sĩ và bậc đào tạo tiến sĩ của LHS, phối hợp với Ban Quan hệ Quốc tế, Ban Chính trị và Công tác học sinh sinh viên tổ chức thẩm định và trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt.
3. ĐHQGHN thông báo kết quả xét tuyển cho đơn vị đào tạo 3 tuần sau khi nhận đủ hồ sơ.
4. Các trường đại học thành viên gửi giấy triệu tập LHS các bậc đào tạo đại học, thạc sĩ. Các khoa trực thuộc gửi giấy triệu tập LHS bậc đào tạo đại học. Khoa Sau đại học gửi giấy triệu tập LHS bậc đào tạo tiến sĩ thuộc tất cả các

đơn vị đào tạo và LHS bậc đào tạo thạc sĩ của các đơn vị đào tạo trừ các trường đại học thành viên.

5. Thời gian nhập học:- LHS được tiếp nhận vào học tập chương trình đào tạo bậc đại học có mặt tại đơn vị đào tạo trước ngày 1 tháng 9. - LHS được tiếp nhận vào học tập chương trình đào tạo bậc thạc sĩ, tiến sĩ có mặt tại đơn vị đào tạo theo thời hạn ghi trong giấy triệu tập.

### **ĐIỀU KIỆN ĂN Ở**

Sinh viên nước ngoài ở trong KTX theo Hợp đồng giữa đơn vị đào tạo với KTX ( Hợp đồng này thay đổi theo điều kiện cụ thể từng năm). cụ thể như sau:

- Đối với lưu học sinh **Lào, Campuchia, do nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhận đào tạo** theo hiệp định giữa hai nhà nước, bố trí mỗi phòng ở từ 3-4 sinh viên theo các tiêu chuẩn như đã ký với các đơn vị đào tạo từ trước đến nay.
- Đối với **lưu học sinh các nước theo diện trao đổi đào tạo** giữa ĐHQGHN với các trường quốc tế, bố trí từ 3-4 sinh viên/phòng với mức lệ phí là 200.000đ/SV/tháng, trong đó được bao cấp 15kwh điện và 4m<sup>3</sup> nước/ tháng.
- Đối với **lưu học sinh do ĐHQGHN nhận vào học tự túc**, bố trí từ 3-4 người/phòng với mức lệ phí 500.000đ/SV/tháng trong đó được bao cấp 20kwh điện và 6m<sup>3</sup> nước/ tháng.

### **Các loại biểu mẫu**

#### **Mẫu 1**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

**ĐƠN XIN HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**BẬC ĐẠI HỌC**

**(dành cho người nước ngoài)**

Ảnh

(cỡ 4x6cm)

1. Họ và tên: .....

2. Ngày sinh: Ngày .....tháng ..... năm ..... 3. Giới tính: Nam /Nữ

4. Nơi sinh: .....

5. Quốc tịch: ..... 6. Số hộ chiếu: .....

7. Địa chỉ trước khi đến Việt Nam: .....

.....

Điện thoại: .....

(mã nước) (mã vùng) (số điện thoại)

Fax: .....

(mã nước) (mã vùng) (số fax)

E-mail: .....

8. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam (nếu có): .....

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....  
.....

(mã vùng) (số điện thoại) (mã vùng)  
(số fax)

E-mail: .....  
.....

9. Khi có việc khẩn cấp, liên hệ với ai:

Họ và tên. ....  
.....

Địa chỉ: .....  
.....

Điện thoại: ..... Fax: .....  
.....

(mã nước) (mã vùng) (số điện thoại) (mã  
nước) (mã vùng) (số fax)

E-mail: .....  
.....

10. Gia đình (bố, mẹ, vợ/chồng, anh chị em ruột)

| TT | Họ và tên | Quan hệ | Tuổi | Nghề nghiệp | Nơi ở hiện tại |
|----|-----------|---------|------|-------------|----------------|
| 1  |           |         |      |             |                |
| 2  |           |         |      |             |                |
| 3  |           |         |      |             |                |
| 4  |           |         |      |             |                |
| 5  |           |         |      |             |                |
| 6  |           |         |      |             |                |

|     |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|
| ... |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|

11. Tên trường Trung học Phổ thông đã tốt nghiệp: . . . . .  
 . . . . .

12. Năm tốt nghiệp: . . . . . 13. Loại tốt nghiệp: . . . . .  
 . . . . .

14. Các thành tích đặc biệt (nếu có): . . . . .  
 . . . . .

15. Trình độ ngoại ngữ: (đánh số: 1 = Xuất sắc, 2 = Tốt, 3 = Khá, 4 = Trung bình, 5 = Chưa đạt)

|      | Tiếng Việt | Tiếng Anh | Ngoại ngữ khác (. . . . .<br>. . . . .) |
|------|------------|-----------|-----------------------------------------|
| Hiểu |            |           |                                         |
| Đọc  |            |           |                                         |
| Viết |            |           |                                         |
| Nói  |            |           |                                         |

16. Trường (Khoa trực thuộc), khoa xin đăng ký học: . . . . .  
 . . . . .

17. Ngành: . . . . .  
 . . . . .

18. Khoá học: . . . . .  
 . . . . .

19. Loại đối tượng dự xét tuyển: Hiệp định chính phủ   
 Hiệp định song phương   
 Tự do

20. Kinh phí: Học bổng toàn phần   
 Học bổng một phần   
 Tự túc toàn phần

. . . . ., ngày . . . . . tháng . . . . . năm 200 . . . . .

Người làm đơn ký tên



**Mẫu 2**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

**ĐƠN XIN HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**BẬC SAU ĐẠI HỌC**

*(dành cho người nước ngoài)*

Ảnh

(cỡ 4x6 cm)

1. Họ và tên: .....

2. Ngày sinh: Ngày .... tháng .... năm ..... 3. Giới tính: Nam /Nữ

4. Nơi sinh: .....

5. Quốc tịch: ..... 6. Số hộ chiếu: .....

7. Địa chỉ trước khi đến Việt Nam: .....

Điện thoại: .....

(mã nước) (mã vùng) (số điện thoại)

Fax: .....  
.....

(mã nước) (mã vùng) (số fax)

E-mail: .....  
.....

8. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam (nếu có): .....  
.....

.....  
.....

Điện thoại: ..... Fax: .....  
.....

(mã vùng) (số điện thoại) (mã vùng)  
(số fax)

E-mail: .....  
.....

9. Khi có việc khẩn cấp, liên hệ với ai:

Họ và tên. ....  
.....

Địa chỉ: ..  
.....

Điện thoại: ..... Fax: .....  
.....

(mã nước) (mã vùng) (số điện thoại) (mã  
nước) (mã vùng) (số fax)

E-mail: .....  
.....

10. Gia đình (bố, mẹ, vợ/chồng, anh chị em ruột)

| TT | Họ và tên | Quan hệ | Tuổi | Nghề nghiệp | Nơi ở hiện tại |
|----|-----------|---------|------|-------------|----------------|
|----|-----------|---------|------|-------------|----------------|

|     |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|
| 1   |  |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |
| 4   |  |  |  |  |  |
| 5   |  |  |  |  |  |
| 6   |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

11. Quá trình học tập:

|                     | Thời gian học | Tên và địa chỉ nơi học | Chuyên ngành | Xếp hạng |
|---------------------|---------------|------------------------|--------------|----------|
| Trung học Phổ thông |               |                        |              |          |
| Đại học             |               |                        |              |          |
| Cao học             |               |                        |              |          |
| Các khoá học khác   |               |                        |              |          |

12. Các công trình khoa học đã công bố liên quan đến hướng nghiên cứu đăng ký:

| TT | Tên công trình khoa học | Nơi công bố | Thời gian công bố |
|----|-------------------------|-------------|-------------------|
| 1  |                         |             |                   |
| 2  |                         |             |                   |
| 3  |                         |             |                   |

13. Quá trình công tác:

| TT | Thời gian | Nơi công tác |
|----|-----------|--------------|
| 1  |           |              |

|   |  |  |
|---|--|--|
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

14. Trình độ ngoại ngữ: (đánh số: 1 = Xuất sắc, 2 = Tốt, 3 = Khá, 4 = Trung bình, 5 = Chưa đạt)

|      | Tiếng Việt | Tiếng Anh | Ngoại ngữ khác (. . . . .<br>. . . . .) |
|------|------------|-----------|-----------------------------------------|
| Hiểu |            |           |                                         |
| Đọc  |            |           |                                         |
| Viết |            |           |                                         |
| Nói  |            |           |                                         |

15. Người giới thiệu:

| TT | Họ và tên | Chức danh<br>khoa học,<br>học vị | Chuyên<br>ngành | Nơi công tác<br>hiện nay |
|----|-----------|----------------------------------|-----------------|--------------------------|
| 1  |           |                                  |                 |                          |
| 2  |           |                                  |                 |                          |

16. Trường (Khoa trực thuộc), khoa xin đăng ký học: . . . . .  
. . . . .

17. Bậc xin đăng ký học: Thạc sĩ  Tiến sĩ

18. Ngành: . . . . .

19. Chuyên ngành: . . . . .

20. Khoá học: . . . . .  
. . . . .

21. Loại đối tượng dự xét tuyển: Hiệp định chính phủ

Hiệp định song phương

Tự do

22. Kinh phí: Học bổng toàn phần ; Học bổng một phần ; Tự túc toàn phần

....., ngày ..... tháng ..... năm 200 .....

Người làm đơn ký tên

**Form 1**

**VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

\*\*\*\*\*

**APPLICATION FOR ADMISSION**

**UNDERGRADUATE PROGRAM**

**(for international student)**

Photograph

*(4cm x 6cm)*

1. Full name: .....

2. Date of birth: ..... 3. Sex: Male /Female

*(Day) (Month) (Year)*

4. Place of birth: .....

5. Nationality: ..... 6. Passport No.: .....

7. Address prior visit to Vietnam: .....

.....

Phone: .....

*(Country code) (Area code) (Phone No.)*

Fax: .....

(Country code) (Area code) (Fax No.)

E-mail: .....

.....

8. Contact address in Vietnam (if any): .....

.....

.....

.....

Phone: ..... Fax: .....

.....

(Area code) (Phone No.) (Area code) (Fax No.)

E-mail: .....

.....

9. Person to be notified, in case of emergency:

Name in full: .....

.....

Address: .....

.....

Phone number: ..... Fax: .....

.....

(Country code) (Area code) (Phone No.) (Country code) (Area code) (Fax No.)

E-mail: .....

.....

10. Family background (Father, mother, spouse, brother/sister)

| Ord. | Full name | Relationship | Age | Occupation | Present address |
|------|-----------|--------------|-----|------------|-----------------|
| 1    |           |              |     |            |                 |
| 2    |           |              |     |            |                 |

|     |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|
|     |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |
| 4   |  |  |  |  |  |
| 5   |  |  |  |  |  |
| 6   |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

11. Name of high school you graduated: .....

12. Year of graduation: ..... 13. Classification: .....

14. Special results (if any): .....

15. Foreign language proficiency: (*Numbering: 1 = Excellent, 2 = Very good, 3 = Good, 4 = Fair, 5=Poor*)

|           | Vietnamese | English | Other foreign languages (.....) |
|-----------|------------|---------|---------------------------------|
| Listening |            |         |                                 |
| Reading   |            |         |                                 |
| Writing   |            |         |                                 |
| Speaking  |            |         |                                 |

16. College (Affiliated Faculty), department to be registered: .....

17. Branch: .....

18. Academic year: .....

19. Applicant's category:

|                      |                          |
|----------------------|--------------------------|
| Government agreement | <input type="checkbox"/> |
| Bilateral agreement  | <input type="checkbox"/> |

20. Budget:      Full scholarship            Self-financing
- Partial scholarship
- Full self-financing

..... *Date*..... 200...

Applicant's  
signature

*Form 2*

**VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happ

\*\*\*\*\*

**APPLICATION FOR ADMISSION**

**GRADUATE PROGRAM**

*(for international students)*

1. Full name: .....

2. Date of birth: ..... 3. Sex: Male /Female

*(Day) (Month) (Year)*

4. Place of birth: .....

5. Nationality: ..... 6. Passport No.: .....

7. Address prior visit to Vietnam: .....

.....

Phone: .....



(Country code) (Area code) (Phone number)

Fax: .....

(Country code) (Area code) (Fax number)

E-mail: .....

8. Contact address in Vietnam (if any): .....

.....

.....

.....

Phone: ..... Fax: .....

.....

(Area code) (Phone number) (Area code) (Fax number)

E-mail: .....

.....

9. Person to be notified, in case of emergency:

Full name: .....

.....

Address: .....

.....

Phone: ..... Fax: .....

.....

(Country code) (Area code) (Phone No.) (Country code) (Area code) (Fax No.)

E-mail: .....

.....

10. Family background (Father, mother, spouse, brother/sister)

| Ord. | Full name | Relationship | Age | Occupation | Present address |
|------|-----------|--------------|-----|------------|-----------------|
| 1    |           |              |     |            |                 |

|     |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|
|     |  |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |
| 4   |  |  |  |  |  |
| 5   |  |  |  |  |  |
| 6   |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

11. Educational background:

| Institution        | Period of schooling | Name and address of institution | Major subject | Classification |
|--------------------|---------------------|---------------------------------|---------------|----------------|
| High school        |                     |                                 |               |                |
| College/University |                     |                                 |               |                |
| College/university |                     |                                 |               |                |
| Others             |                     |                                 |               |                |

12. Published research papers related to the registered research studies:

| Ord. | Titles of research work | Publisher | Date of publication |
|------|-------------------------|-----------|---------------------|
| 1    |                         |           |                     |
| 2    |                         |           |                     |
| 3    |                         |           |                     |

13. Employment record:

| Ord. | Period of employment | Name and address of employer |
|------|----------------------|------------------------------|
| 1    |                      |                              |
| 2    |                      |                              |
| 3    |                      |                              |

14. Foreign language proficiency: (*Numbering: 1 = Excellent, 2 = Very good, 3 = Good, 4 = Fair, 5 = Poor*)

|           |            |         |                                                     |
|-----------|------------|---------|-----------------------------------------------------|
|           | Vietnamese | English | Other foreign languages (. . . . . )<br>. . . . . ) |
| Listening |            |         |                                                     |
| Reading   |            |         |                                                     |
| Writing   |            |         |                                                     |
| Speaking  |            |         |                                                     |

15. Recommenders:

| Ord. | Full name | Title & Position | Major subject | Present institution |
|------|-----------|------------------|---------------|---------------------|
| 1    |           |                  |               |                     |
| 2    |           |                  |               |                     |

16. College (Affiliated faculty), department to be registered: . . . . .  
. . . . .

17. Proposed study program:         Master’s program        Ph.D    program  
                                         

18. Branch: . . . . .                                                             19. Major subject: . . . . .  
. . . . .

20. Academic year: . . . . .  
. . . . .

21. Applicant’s classification: Government agreement           
                                                                                                                  Bilateral agreement                     
                                                                                                                  Self-financing                           

22. Budget: Full scholarship         ;    Partial scholarship         ;    Full self-financing   .

. . . . ., *Date* . . . . . 200 . . . .

Applicant’s signature

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI THỊ THỰC, GIA HẠN  
TẠM TRÚ**

(Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)

**1. Người làm đơn :**

Họ tên (chữ in hoa) :

Giới tính :                      Sinh ngày :

Quốc tịch :

Hộ chiếu số :                                              có giá trị đến ngày

Nghề nghiệp :

Ngày nhập cảnh Việt Nam :

Mục đích nhập cảnh :

Địa chỉ tạm trú ở Việt Nam :

Số điện thoại (nếu có) : 0904191685

**2. Cơ quan / tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh :**

- Cơ quan, tổ chức :

**3. Nội dung đề nghị :**

- Cấp thị thực : một lần  nhiều lần  giá trị từ ngày  
đến ngày

- Bổ sung, sửa đổi thị thực :

- Gia hạn tạm trú đến ngày :

- Lý do :

**4. Những điều cần trình bày thêm :**

*Xác nhận của cơ quan chủ quản*

*Hà Nội, ngày*

*tháng     năm 2003*

TL. GIÁM ĐỐC ĐHQG HN  
TRƯỞNG BAN QUAN HỆ QUỐC TẾ

NGƯỜI LÀM ĐƠN

